TOÀ ÁN NHÂN DÂN NAM
HUYỆN KBANG-TỈNH GIA LAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **15**/2017/DS-ST.
Ngày: 12/ 12/ 2017.
"V/v: ***Kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng"***

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG,TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Nguyên.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hồ Viết Cảm.
2. Ông Hà Trung Thuật.

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Đình Mão là Thư ký Toà án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Ngày 12/ 12/ 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/ 2017/ TLST-DS ngày 26/ 9/ 2017 về việc: *"Kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/ 2017/ QĐST -DS ngày 06/ 11/ 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Chính sách xã hội A;
Địa chỉ: Tòa nhà CC5, bán đảo Linh Đ, quận Hoàng M, TP Hà Nội.
Đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Thị Thu H - Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội A huyện K, tỉnh Gia Lai.
Địa chỉ: 265, Quang T, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai.
- *Bị đơn:* Bà Lê Thị T, sinh năm 1966;
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Văn C, sinh năm 1965;
Cùng địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai.
Bà H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, bà T và ông C lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/ 7/ 2017 được bổ sung tại Bản tự khai ngày 26/ 7/ 2017, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đinh Thị Thu H trình bày:

Vào ngày 11/ 01/ 2014, bà Lê Thị T đã vay vốn tín dụng ưu đãi tại Ngân hàng Chính sách xã hội A (*sau đây gọi tắt là Ngân hàng*) thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng huyện K, tỉnh Gia Lai với số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng theo Sổ vay vốn có mã khách hàng 070098, mục đích sử dụng tiền vay: Trồng mía, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 11/01/2014, lãi suất cho vay là 0,8%/tháng, lãi suất quá hạn được tính bằng 130% lãi suất trong hạn, hình thức bảo đảm tiền vay: Cho vay tín chấp; theo thỏa thuận của hộ gia đình với Ngân

hàng thì bà Lê Thị T là người vay và ông Lê Văn C (chồng bà T) là người thừa kế món vay.

Ngày 11/01/2015, món vay đến hạn trả nợ theo quy định, gia đình bà T xin lưu vụ và được Ngân hàng cho lưu vụ 12 tháng đến ngày 11/01/2016. Ngày 11/01/2016, gia đình bà lại xin gia hạn và được Ngân hàng gia hạn thêm 12 tháng. Đến ngày 11/01/2017, bà T không trả nợ theo cam kết nên món vay chuyển sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu bà T trả nợ nhưng bà không chấp hành. Tính đến thời điểm ngày 18/7/2017, bà T và ông C còn nợ Ngân hàng 12.003.000 đồng nợ gốc và 49.333 đồng nợ lãi quá hạn. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T và ông C phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số nợ gốc và lãi phát sinh tạm tính đến ngày 18/7/2017 là 12.052.933 đồng.

Tại Bảng kê tính lãi bổ sung, Ngân hàng bổ sung yêu cầu bà T và ông C phải trả thêm số tiền nợ lãi quá hạn phát sinh từ ngày 19/7/2017 đến ngày 12/12/2017 (*ngày xét xử sơ thẩm vụ án*) là 595.029 đồng.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm:

+ 01 Sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay-thu nợ-dư nợ có mã KH 070098 *(bản sao)*;

+ 01 Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay đối với người vay Lê Thị T ngày 09/ 01/ 2014 *(bản sao)*;

+ 01 Sổ vay vốn có mã KH 070098 đối với người vay là Lê Thị T *(bản sao)*;

+ 01 Quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án số: 4716/QĐ-NHCS ngày 25/ 11/ 2016 *(bản sao)*;

+ 01 Giấy đề nghị cho vay lưu vụ đối với người vay là Lê Thị T *(bản sao)*;

+ 01 Giấy đề nghị cho gia hạn nợ đối với người vay là Lê Thị T *(bản sao)*;

Đối với bị đơn bà Lê Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn C:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân (TAND) huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đã triệu tập ông bà đến Tòa án làm việc để nhận Thông báo thụ lý vụ án, làm Bản tự khai trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia các phiên công khai chứng cứ và hoà giải do Toà án tổ chức nhưng ông bà không hợp tác, trốn tránh vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tống đạt niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Do vụ án hai lần không tiến hành công khai chứng cứ và hoà giải được vì bà T, ông C vắng mặt nên Toà án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa lần thứ nhất mở vào ngày 23/11/2017 và tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được Toà án niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng tại phiên tòa hợp lệ nhưng bà T và ông C đã vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo như quy định tại các Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Bà Lê Thị T, sinh năm 1966 và ông Lê Văn C, sinh năm 1965; có địa chỉ tại: Thôn 1, xã Đ, huyện K,

tỉnh Gia Lai. Điều này được thể hiện qua chứng cứ do Ngân hàng giao nộp là Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay đối với người vay Lê Thị T ngày 09/ 01/ 2014 *(bản sao)* và Sổ vay vốn có mã KH 070098 đối với người vay là Lê Thị T *(bản sao)*.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc vay vốn giữa bà Lê Thị T và ông Lê Văn C với Ngân hàng được thể hiện qua Sổ vay vốn có mã khách hàng 070098 là sự thỏa thuận tự nguyện giữa các bên, phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành. Do đó, việc bà T và ông C không thực hiện đúng các nội dung đã ký kết trong Hợp đồng *(Sổ vay vốn)*, buộc Ngân hàng khởi kiện đòi nợ là có cơ sở và thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, HĐXX thấy rằng: Chứng cứ do Ngân hàng cung cấp là Sổ vay vốn có mã khách hàng 070098 ghi họ tên người vay là bà Lê Thị T, họ tên người thừa kế khoản vay là ông Lê Văn C *(quan hệ với người vay là vợ chồng)* và sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ với hình thức bảo đảm tiền vay là cho vay là tín chấp, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 11/01/2014, lãi suất cho vay là 0,8%/tháng, lãi suất quá hạn được tính bằng 130% lãi suất trong hạn; hộ bà T, ông C phải trả lãi đối với khoản vay theo phương thức hàng tháng, trả nợ gốc theo kỳ hạn 12 tháng/lần/20.000.000 đồng. Tất cả các điều kiện trên của bên cho vay đối với bên vay đã được bà T, ông C ký xác nhận.

Tuy nhiên, kể từ khi vay tiền cho đến nay, bà T và ông C đã sử dụng vốn vay không hiệu quả, đã không trả được hết nợ gốc và lãi theo cam kết mặc dù Ngân hàng đã 2 lần cho ông bà được gia hạn trả nợ nên ông bà đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và hiện khoản vay của ông bà đã quá hạn trả nợ. Quá trình giải quyết vụ án, bà T và ông C luôn vắng mặt trong các lần Tòa án triệu tập làm việc, điều này thể hiện việc ông bà không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tự chối bỏ quyền tham gia tố tụng của mình và thể hiện việc ông bà có vay nợ nên phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Từ những phân tích như trên, xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với bà T và ông C là có căn cứ và đúng pháp luật nên được HĐXX chấp nhận; buộc bà T và ông C phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 12.003.000 đồng, số tiền nợ lãi quá hạn tính đến ngày 12/ 12/ 2017 là 644.362 đồng; tổng cộng là 12.647.362 đồng.

Về án phí DSST: Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ nên bà T, ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 12.647.362 đồng x 5% = 632.368 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 91, 93, 94, 95, 108, 144, 147, 227, 228 và 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 471, 474 và 478 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào các Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/ 2016/ UBTVQH14 ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Chính sách xã hội A, buộc bị đơn bà Lê Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn C phải trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội A thông qua Chi nhánh Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội A huyện K, tỉnh Gia Lai số tiền nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng theo Sổ vay vốn có mã khách hàng 070098 là 12.647.362 đồng, gồm: 12.003.000 đồng nợ gốc và 644.362 nợ lãi quá hạn tính đến ngày 12/12/2017.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi người phải thi hành án thi hành xong khoản nợ nói trên, hàng tháng người phải thi hành án phải chịu khoản lãi đối với số tiền nợ gốc chậm trả. Việc tính lãi và cả lãi suất nợ quá hạn đối với các khoản vay của tổ chức tín dụng phải theo đúng hợp đồng đã ký kết kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng. Khi tính lãi chỉ tính lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án mà không tính lãi của số tiền lãi chưa trả trong quá trình thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự (LTHADS) thì người được THADS, người phải THADS có quyền thoả thuận THA, quyền yêu cầu THA, tự nguyện THA hoặc bị cưỡng chế THA theo các điều 6, 7 và 9 LTHADS; thời hiệu THA được thực hiện theo quy định tại điều 30 LTHADS.

-Về án phí:

Buộc bà Lê Thị T và ông Lê Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 632.368 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng hàng Chính sách xã hội A thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội A huyện K, tỉnh Gia Lai số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 301.323 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số: 0007069 ngày 26/7/2017 của Chi cục THADS huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, hai đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm ./.

Nơi nhận:
THẨM
-TAND tỉnh Gia Lai.
TÒA
-VKSND huyện Kbang.
-THADS huyện Kbang.
- Các đương sự.
- Lưu HSVA,VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Nguyên